TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂY SƠN** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 13/2022/QĐ-CNTTLH	*Tây Sơn, ngày 08 tháng 8 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC BÊN THAM GIA HÒA GIẢI TẠI TÒA ÁN

Căn cứ các Điều 32, 33, 34 và 35 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ Điều 55; Điều 81; Điều 82, 83; 84 và Điều 33, 59, 60 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của ông Nguyễn Thanh T và bà Đào Mai L;

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 5 năm 2022 về việc yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Thanh T.

- Biên bản ghi nhận kết quả Hòa giải ngày 21 tháng 7 năm 2022 về thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải sau đây:

Người khởi kiện: Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Xóm 1, thôn T, xã B, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

Người bị kiện: Bà Đào Mai L, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Thôn 3, xã B, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị S, địa chỉ: xã I, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai.

2. Ông Đào Quang H, địa chỉ: thôn 3, xã B, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định

3. Ông Đào Vương Q, địa chỉ: thôn 3, xã B, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

- Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do Tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 21 tháng 7 năm 2022 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 21 tháng 7 năm 2022, cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Ông Nguyễn Thanh T và bà Đào Mai L thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung:

Ông Nguyễn Thanh T và bà Đào Mai L thống nhất có 01 con chung tên Nguyễn Xuân K, (giới tính: Nam), sinh ngày 20/10/2017. Giao cháu Nguyễn Xuân K, sinh ngày 20/10/2017 cho bà Đào Mai Ltiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì bà Linh không yêu cầu.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung:

1. Ông Nguyễn Thanh T được quyền sở hữu sử dụng các tài sản sau:

+ 01 thửa đất lô số 83, tờ bản đồ số QH, có diện tích 300m^2 tọa lạc tại xã I, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai được UBND huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai cấp ngày 10/02/2009 đứng tên ông Nguyễn Thanh T, bà Đào Mai L và 01 ngôi nhà cấp 4 có diện tích 20m^2 nằm trên thửa đất số 83 tọa lạc tại xã I, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai.

+ 01 xe máy, hiệu Airblade, biển kiểm soát số 81B2 – 56.655 mua của ông Lương Văn V chưa sang tên.

+ 01 xe máy, hiệu Citi, biển kiểm soát số 81B2 – 8456 mua của ông Trần Xuân H chưa sang tên.

Sau khi có nghĩa vụ thanh toán cho bà Đào Mai L số tiền 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng. Thời gian thanh toán số tiền 200.000.000 đồng cho bà L đến ngày 31/12/2022.

2. Bà Đào Mai L được sở hữu số tiền 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng do ông Trần Thanh T thối lại phần tài sản được nhận.

- Về nợ chung:

Ông Trần Thanh T phải có nghĩa vụ trả nợ cho những người sau:

1. Trả cho bà Nguyễn Thị S, địa chỉ: xã I, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai số tiền 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng.

2. Trả cho ông Đào Quang H, địa chỉ: thôn 3, xã B, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định số tiền 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng.

3. Trả cho ông Đào Vương Q, địa chỉ: thôn 3, xã B, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu) đồng.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành chưa đầy đủ số tiền trên thì còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các bên tham gia hòa giải;
- VKSND huyện Tây Sơn;
- Chi cục THADS huyện Tây Sơn;
- UBND xã B, huyện Tây Sơn;
- Lưu TA.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Lê Thị Minh Trí